

HƯỚNG DẪN

Thực hiện nội dung tiêu chí 6.4

**Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”
trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030**

Căn cứ Hướng dẫn số 53/HD-ĐCT, ngày 11/5/2026 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam về việc thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” trong Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030; Quyết định số 121/2026/QĐ-UBND, ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ban Thường vụ Hội LHPN tỉnh hướng dẫn triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Hướng dẫn này quy định nội dung, phương pháp đánh giá, công nhận đạt và tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030 ban hành kèm theo Quyết định số 51/2025/QĐ-TTg ngày 29/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 121/2026/QĐ-UBND, ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Gia Lai về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới hiện đại giai đoạn 2026-2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng:

- Ủy ban nhân dân các cấp; các sở, ban, ngành, cơ quan, tổ chức có liên quan trong phối hợp chỉ đạo, tổ chức thực hiện tiêu chí 6.4 thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026-2030.

- Hội Liên hiệp Phụ nữ các cấp.

- Hộ gia đình, hội viên phụ nữ, phụ nữ và cộng đồng dân cư.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Yêu cầu thực hiện các tiêu chí đối với xã nông thôn mới (tiêu chí 6.4)

Tên tiêu chí	Nội dung thực hiện	Yêu cầu thực hiện		
		Xã nhóm 1	Xã nhóm 2	Xã nhóm 3
1. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không”				
1.1. Không nghèo	Hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo theo tiêu chuẩn hộ nghèo đa	≥ 98%	≥ 95%	≥ 87%

	chiều ¹			
1.2. Không bạo lực	Không có thành viên trong gia đình thực hiện hành vi bạo lực gia đình dưới mọi hình thức theo quy định của pháp luật.	≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%
1.3. Không vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội	Không có thành viên trong gia đình vi phạm pháp luật và bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định; không có thành viên vi phạm pháp luật về tệ nạn xã hội theo quy định.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
1.4. Không có trẻ em suy dinh dưỡng và bỏ học	Gia đình có trẻ em trong độ tuổi đi học không để xảy ra tình trạng bỏ học.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
	Trẻ em (từ 0 đến 5 tuổi) trong gia đình không bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân, thấp còi hoặc thừa cân, béo phì theo quy định của ngành y tế.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
1.5. Không lãng phí	Gia đình thực hiện chỉ tiêu phù hợp với điều kiện kinh tế; thực hành tiết kiệm trong sử dụng điện, nước, thực phẩm và các nguồn lực phục vụ sinh hoạt hằng ngày.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
2. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 sạch”				
2.1. Sạch nhà	Được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn ²	≥ 80%	≥ 70%	≥ 40%
	Có nhà tiêu hợp vệ sinh theo hướng dẫn của ngành y tế.	≥ 80%	≥ 75%	≥ 70%
	Thực hiện phân loại rác tại nguồn.	≥ 80%	≥ 80%	≥ 80%
2.2. Sạch bếp	Gia đình có nơi chế biến, nấu ăn sạch sẽ, bảo đảm vệ sinh; thực phẩm được lựa chọn, sử dụng và bảo quản bảo đảm an toàn, hợp vệ sinh.	≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%
2.3. Sạch ngõ	Thực hiện thu gom, xử lý rác thải đúng quy định; không để phát sinh ô nhiễm môi trường xung quanh nơi ở.	≥ 90%	≥ 85%	≥ 80%
3. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “3 an”				
3.1. An toàn	Gia đình có nhà ở kiên cố phù hợp điều kiện thực tế; thực hiện các biện	≥ 90%	≥ 80%	≥ 70%

¹ Tiêu chí “6.1. Tỷ lệ nghèo đa chiều” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

² Tiêu chí “6.3. “Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn” thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2026 - 2030 tại Thông tư 14/2026/TT-BNNMT ngày 27/02/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường

	pháp bảo đảm an toàn trong gia đình như phòng cháy, chữa cháy, an toàn điện, phòng ngừa tai nạn, thương tích, phòng, chống thiên tai và an toàn trên không gian mạng.			
3.2. An tâm	Gia đình hòa thuận; các thành viên được tôn trọng, bình đẳng, yêu thương, chia sẻ, hỗ trợ lẫn nhau; có ý thức thực hành hệ giá trị gia đình Việt Nam; gìn giữ, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc, địa phương và có trách nhiệm xây dựng gia đình tiên bộ, văn minh, ấm no, hạnh phúc.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 75%
3.3. An sinh	- Các thành viên trong gia đình được bảo đảm các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống; chăm sóc sức khỏe, tham gia bảo hiểm y tế theo quy định và tiếp cận các chính sách an sinh xã hội phù hợp; - Phụ nữ mang thai, trẻ em, người cao tuổi và các thành viên thuộc nhóm dễ bị tổn thương được quan tâm, chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ kịp thời.	≥ 85%	≥ 80%	≥ 70%

2. Yêu cầu thực hiện các tiêu chí đối với các xã nông thôn mới hiện đại

Stt	Nội dung tiêu chí	Yêu cầu thực hiện
1	Tỷ lệ hộ đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”	≥ 95%

** Việc cụ thể hóa các tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” của địa phương phải bảo đảm phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư, tập quán, mức độ tiếp cận dịch vụ cơ bản; đồng thời không thấp hơn mức tối thiểu tại Hướng dẫn này.*

3. Phương pháp xác định tỷ lệ

- Việc đánh giá được thực hiện đối với từng tiêu chuẩn thuộc tiêu chí 6.4.
- Tỷ lệ hộ đạt từng tiêu chuẩn được xác định bằng tổng số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn đó trên tổng số hộ gia đình trên địa bàn xã tại thời điểm đánh giá.
- Công thức xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ đạt tiêu chuẩn}}{\text{Tổng số hộ trên địa bàn xã}} \times 100$$

- Xã được công nhận đạt tiêu chí 6.4 khi đều đạt **11 tiêu chuẩn** ở mức tỷ lệ tối thiểu trở lên đối với nhóm xã tương ứng theo hướng dẫn. (Gửi kèm Quyết định số 545/QĐ-UBND ngày 05/2/2026 của UBND tỉnh về việc Phê duyệt danh sách xã nhóm 1, xã nhóm 2, xã nhóm 3 thực hiện Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2026-2030).

4. Hồ sơ minh chứng, đánh giá

- Phiếu tự rà soát, đánh giá hộ gia đình (do gia đình thực hiện); biên bản họp bình xét, thống nhất kết quả tại thôn/TDP, xã (làm cơ sở tổng hợp); biểu tổng hợp kết quả đạt tiêu chuẩn do Hội LHPN xã phối hợp với UBND cấp xã tổ chức rà soát, đánh giá, tổng hợp và trình UBND cấp xã xác nhận.

- Kế hoạch của UBND xã về thực hiện nội dung tiêu chí 6.4. Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an” trong xây dựng nông thôn mới; chỉ đạo các ban, ngành, đoàn thể phối hợp triển khai.

- Các tài liệu, số liệu của địa phương để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện các tiêu chí như: bản tự đánh giá của hộ gia đình, danh sách hộ nghèo, cận nghèo; số liệu về giáo dục, y tế, bảo hiểm y tế; nước sạch, vệ sinh môi trường; an ninh, trật tự và các nội dung có liên quan khác. Không yêu cầu hộ gia đình cung cấp hồ sơ, giấy tờ riêng lẻ cho từng tiêu chí; đối với các nội dung đã có trong hệ thống quản lý, rà soát, thống kê của địa phương thì sử dụng để đối chiếu, xác nhận kết quả thực hiện.

- Khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, biểu mẫu điện tử và cơ sở dữ liệu dùng chung trong tổng hợp, quản lý, theo dõi kết quả thực hiện.

III. Tổ chức thực hiện

1. Hội LHPN tỉnh

- Ban hành Hướng dẫn và các tài liệu cần thiết để triển khai thực hiện thống nhất nội dung tiêu chí 6.4 trên địa bàn tỉnh.

- Chủ trì phối hợp với các ngành, cơ quan liên quan trong hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện; theo dõi, tổng hợp, cập nhật tình hình triển khai; định kỳ báo cáo các cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

- Huy động, điều phối, lồng ghép các nguồn lực hợp pháp để hỗ trợ địa phương triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 gắn với Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không, 3 sạch, 3 an”. Đồng thời, tổ chức triển khai các hoạt động tập huấn cấp tỉnh.

- Hướng dẫn Hội LHPN cấp xã phối hợp các đơn vị liên quan tham mưu UBND cùng cấp ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện.

2. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường.

- Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 trên địa bàn; cụ thể hóa nội dung, giải pháp, lộ trình thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương; bố trí, phân bổ kinh phí từ nguồn ngân sách thực hiện Chương trình và các nguồn hợp pháp khác theo quy định.

- Phân công và chỉ đạo các ban, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp tổ chức triển khai thực hiện; lồng ghép nội dung tiêu chí 6.4 trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, đề án có liên quan trên địa bàn.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát; kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện tại địa phương.

- Định kỳ 6 tháng, hằng năm, giữa kỳ và khi kết thúc giai đoạn 05 năm, tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí 6.4 gửi Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh và Sở Nông nghiệp và Môi trường theo quy định.

3. Hội LHPN các xã, phường

- Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, trình Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt.

- Tổ chức triển khai các hoạt động theo kế hoạch đã được phê duyệt; lồng ghép hoạt động, nguồn lực, địa bàn và đối tượng thụ hưởng với các chương trình, đề án được giao thực hiện để bảo đảm hiệu quả, tránh chồng chéo, trùng lặp.

- Phối hợp triển khai phiếu tự rà soát, đánh giá đến các hộ gia đình trên địa bàn xã; tổ chức họp bình xét, thống nhất kết quả tại thôn, xã; tổng hợp và trình UBND cấp xã xác nhận danh sách hộ gia đình đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch, 3 an”. Hoàn thiện hồ sơ minh chứng theo yêu cầu tại mục 3 phần II của hướng dẫn này để làm cơ sở xét đạt tiêu chí 6.4 của địa phương.

- Định kỳ tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất về Hội LHPN tỉnh theo quy định.

Trên đây là Hướng dẫn thực hiện nội dung tiêu chí 6.4 “Tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn 5 không, 3 sạch, 3 an” của Bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới giai đoạn 2026-2030. Đề nghị Ủy ban nhân dân các xã, phường quan tâm chỉ đạo; Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, phường và các đơn vị tham mưu tổ chức triển khai thực hiện, bảo đảm hiệu quả, đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra.

(Kèm theo các biểu mẫu rà soát, đánh giá, tổng hợp tỷ lệ hộ đạt tiêu chuẩn “5 không, 3 sạch, 3 an”).

Nơi nhận:

- TW Hội LHPN Việt Nam (b/c);
- Ban CTPN, TW Hội;
- UBND tỉnh (b/c);
- Ban TT UBMTTQVN tỉnh (b/c);
- Sở NN&MT (VP ĐP NTM Tỉnh), Sở DT-TG, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Y tế, Sở VH&DL (p/h);
- UBND các xã/phường (t/h);
- Hội LHPN các xã/phường (t/h);
- HPN LLVT tỉnh (t/h);
- Lưu: VT, BCTPN (KTXH).

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**

Lê Thị Ngọc Lam